

Số: /QĐ-ĐHTTr

Tuyên Quang, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Chi trả Trợ cấp xã hội Quý I năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1211/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với HSSV là người dân tộc thiểu số học tại các trường công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 361/NQ-HĐTĐHTTr ngày 29/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết 613/NQ-HĐTĐHTT ngày 18/8/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết 719/NQ-HĐTĐHTT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-ĐHTTr ngày 07/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy định Công tác sinh viên của Trường Đại học Tân Trào;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thực hiện chi trả Trợ cấp xã hội Quý I năm 2025 cho 658 sinh viên hệ đào tạo chính quy có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Những sinh viên có tên trong danh sách nói tại Điều 1 được hưởng Trợ cấp xã hội Quý I năm 2025. Mức trợ cấp thực hiện theo Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/2/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ, Trưởng phòng Quản lý sinh viên, trưởng các đơn vị công tác có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách nói tại Điều 1 thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường;
- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Như Điều 1, 3 (t/h);
- Lưu: VT, QLSV (Hoài Anh).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Phạm Duy Hưng

DANH SÁCH
SINH VIÊN HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI QUÝ I NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTTr ngày /6/2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tân Trào)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
1	2152010090	Quan Thị Nga	24/08/2003	Dao	Vùng ĐBKK	GDMN B	2021-2025	420.000
2	2152010084	Ma Thị Thuý Kiều	12/10/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2021-2025	420.000
3	2152010110	Lương Thị Vi	06/11/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2021-2025	420.000
4	2152010071	Sài Thị Điệp	25/09/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2021-2025	420.000
5	2252010037	Ma Thị Thu Duyên	07/12/2001	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2022-2026	420.000
6	2252010045	Lù Hà Ngân	23/11/2004	Nùng	Vùng ĐBKK	GDMN A	2022-2026	420.000
7	2252010015	Hoàng Thu Huyền	26/04/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2022-2026	420.000
8	2252010014	Phạm Mai Huê	17/12/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2022-2026	420.000
9	2252010042	Tải Thị Hường	18/10/2003	Nùng	Vùng ĐBKK	GDMN A	2022-2026	420.000
10	2252010048	Nguyễn Thị Uyên	28/03/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2022-2026	420.000
11	2252010006	Mã Thị Dung	28/02/2004	Giáy	Hộ nghèo	GDMN A	2022-2026	300.000
12	2252010004	Vừ Thị Dính	19/04/2004	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN A	2022-2026	420.000
13	2252010033	Giàng Thị Bầu	16/06/2004	Hmong	Vùng ĐBKK	GDMN A	2022-2026	420.000
14	2252010044	Lục Thị Lệ	17/10/2004	Giáy	Vùng ĐBKK	GDMN A	2022-2026	420.000
15	2252010043	Thên Thuý Hường	16/06/2004	Nùng	Vùng ĐBKK	GDMN A	2022-2026	420.000
16	2252010040	Nông Thị Thu Hiền	27/03/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2022-2026	420.000
17	2252010016	Hoàng Thị Lệ	02/01/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2022-2026	420.000
18	2252010011	Lường Thị Hạnh	02/01/2004	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN A	2022-2026	420.000
19	2252010039	Triệu Thị Thuý Hằng	10/04/2004	Dao	Vùng ĐBKK	GDMN A	2022-2026	420.000
20	2252010031	Lò Xé Xó	20/04/2004	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	GDMN A	2022-2026	420.000
21	2252010093	Lù Thị Phúc	17/09/2003	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN B	2022-2026	420.000
22	2252010061	Sùng Phì Dứ	20/10/2004	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	GDMN B	2022-2026	420.000
23	2252010076	Pờ Giá Lan	02/02/2004	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	GDMN B	2022-2026	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
24	2252010082	Lường Thị Thái Mai	10/07/2004	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN B	2022-2026	420.000
25	2252010106	Sùng Ly Xó	20/03/2004	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	GDMN B	2022-2026	420.000
26	2252010069	Ma Thị Minh Huệ	18/01/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2022-2026	420.000
27	2252010108	Đinh Hải Yên	23/02/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2022-2026	420.000
28	2252010088	Đinh Thị Thùy Nhung	01/10/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2022-2026	420.000
29	2252010107	Giàng Thị Xuân	18/08/2004	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN B	2022-2026	420.000
30	2252010080	Mùi Thị Cẩm Ly	30/08/2004	Mường	Vùng ĐBKK	GDMN B	2022-2026	420.000
31	2252010071	Hoàng Thị Trâm Hương	30/08/2004	Nùng	Vùng ĐBKK	GDMN B	2022-2026	420.000
32	2252010087	Ngân Ánh Nguyệt	16/10/2003	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN B	2022-2026	420.000
33	2252010091	Đặng Thị Phụng	06/12/2004	Dao	Vùng ĐBKK	GDMN B	2022-2026	420.000
34	2252010073	Thùng Thị Hường	20/08/2004	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN B	2022-2026	420.000
35	2252010077	Nông Thị Lanh	02/08/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2022-2026	420.000
36	2352010057	Lò Thị Cúc	10/06/2005	Cống	Vùng ĐBKK	GDMN A	2023-2027	420.000
37	2352010008	Chang Phí De	08/10/2005	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	GDMN A	2023-2027	420.000
38	2352010009	Khoảng Pờ De	26/11/2005	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	GDMN A	2023-2027	420.000
39	2352010010	Âu Thị Phương Diễm	13/12/2004	Cao Lan	Cận nghèo	GDMN A	2023-2027	300.000
40	2352010058	Hờ Thị Dinh	09/10/2005	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN A	2023-2027	420.000
41	2352010015	Lường Thị Giang	29/07/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN A	2023-2027	420.000
42	2352010249	Lý Xuân Hà	08/12/2003	Kháng	Vùng ĐBKK	GDMN A	2023-2027	420.000
43	2352010020	Lường Thị Hiệp	17/05/2003	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN A	2023-2027	420.000
44	2352010022	Thùng Thị Hóa	08/08/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN A	2023-2027	420.000
45	2352010023	Hoàng Thu Huệ	25/10/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2023-2027	420.000
46	2352010028	Lò Thu Lan	01/06/2004	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN A	2023-2027	420.000
47	2352010032	Dương Thị Diệu Linh	19/04/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2023-2027	420.000
48	2352010035	Lý Thị Lý	19/07/2005	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN A	2023-2027	420.000
49	2352010036	Khoảng Thị Nga	01/11/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN A	2023-2027	420.000
50	2352010064	Ma Thị Giang	02/08/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
51	2352010201	Lò Thu Hiền	10/09/2005	Thái	Cận nghèo	GDMN B	2023-2027	300.000
52	2352010067	Nông Thị Minh Huệ	08/02/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000
53	2352010068	Hoàng Thu Huyền	12/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000
54	2352010074	Hầu Thị Phương Liễu	31/01/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000
55	2352010075	Đồng Thị Mỹ Linh	14/12/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000
56	2352010079	Tổng Thị Lý	22/08/2005	Thái	Hộ nghèo	GDMN B	2023-2027	300.000
57	2352010081	Trương Thị Tuyết Mai	25/02/2005	Dao	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000
58	2352010087	Bế Thị Bảo Ngọc	15/08/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000
59	2352010088	Páy Thị Bích Ngọc	01/12/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000
60	2352010089	Ma Thị Nguyệt	26/04/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000
61	2352010275	Hà Thị Nhung	20/04/2005	Tày	Cận nghèo	GDMN B	2023-2027	300.000
62	2352010092	Nguyễn Hồng Nhung	06/03/2005	Tày	Cận nghèo	GDMN B	2023-2027	300.000
63	2352010093	Lý Lóng Nu	03/02/2005	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000
64	2352010106	Pờ Ha Sừ	14/04/2004	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000
65	2352010115	Lương Thị Thuý	15/03/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000
66	2352010117	Đinh Thị Thức	10/04/2005	Mường	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000
67	2352010111	Lê Thị Hương Trà	11/12/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000
68	2352010113	Lèng Thị Tuyết	27/02/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000
69	2352010116	Đinh Thị Thu Uyên	26/10/2003	Mường	Vùng ĐBKK	GDMN B	2023-2027	420.000
70	2352010002	Hoàng Thị Kim Ánh	04/01/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
71	2352010125	Lò Thị Thu Hà	09/01/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
72	2352010127	Hồ Hồng Hoa	02/05/2005	Hoa	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
73	2352010124	Nông Hương Giang	26/12/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
74	2352010130	Khoàng Thị Huyền	07/02/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
75	2352010131	Pòong Thị Lan Hương	12/09/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
76	2352010132	Lý Pó Lan	02/09/2005	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
77	2352010136	Pòong Thị Loan	21/06/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
78	2352010139	Lý Thủy Ngân	19/01/2005	Sila	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
79	2352010141	Poông Thị Thanh Nguyệt	22/08/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
80	2352010147	Đặng Thị Kim Oanh	25/10/2005	Dao	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
81	2352010150	Đinh Như Quỳnh	22/09/2005	Mường	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
82	2352010152	Giàng Thị Thành	11/10/2004	Cờ Lao	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
83	2352010163	Lầu Thị Vân	13/12/2005	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
84	2352010164	Trần Thị Bích Việt	02/05/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
85	2352010177	Lý Thị Vừ	19/12/2005	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
86	2352010166	Vàng Mì Xa	06/04/2005	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
87	2352010173	Thào Thị Xi	17/12/2005	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
88	2352010167	Mạ Khò Xó	12/07/2005	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	GDMN C	2023-2027	420.000
89	2352010168	Bản Phương Yên	24/09/2004	Dao	Hộ nghèo	GDMN C	2023-2027	300.000
90	2352010146	Lý Hồng Nhuur	12/09/2005	Dao	Hộ nghèo	GDMN C	2023-2027	300.000
91	2352010109	Đinh Thủy Tiên	26/12/2005	Mường	Vùng ĐBKK	GDMN D	2023-2027	420.000
92	2352010236	Khoàng Thanh Hoa	03/04/2005	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	GDMN D	2023-2027	420.000
93	2352010183	Hoàng Thị Bài	30/09/2005	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN D	2023-2027	420.000
94	2352010220	Hoàng Thị Nguyệt	06/01/2002	Nùng	Hộ cận nghèo	GDMN D	2023-2027	300.000
95	2352010292	Thào Thị Lìa	20/12/2005	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN D	2023-2027	420.000
96	2352010211	Vương Thị Liên	29/08/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN D	2023-2027	420.000
97	2352010226	Ma Thị Thảo	18/06/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN D	2023-2027	420.000
98	2352010204	Hà Thu Hoài	18/08/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN D	2023-2027	420.000
99	2352010172	Hà Kiều Vy	06/08/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN E	2023-2027	420.000
100	2352010262	Lường Dương Ly	15/12/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN E	2023-2027	420.000
101	2352010271	Và Thị Xuân Nghi	10/03/2005	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN E	2023-2027	420.000
102	2352010284	Thào Thị Mỷ	03/07/2005	Mông	Hộ nghèo	GDMN E	2023-2027	300.000
103	2352010295	Quan Thị Minh Lý	02/09/2002	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN E	2023-2027	420.000
104	2352010308	Sùng Thị Mai Lan	11/02/2002	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN E	2023-2027	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
105	2352010273	Ma Thị Ánh Nguyệt	28/05/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN E	2023-2027	420.000
106	2352010248	Lò Thị Hà	25/10/2004	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN E	2023-2027	420.000
107	2352010242	Quan Thị Kim Chi	18/10/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN E	2023-2027	420.000
108	2352010257	Lầu Khánh Linh	26/10/2005	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN E	2023-2027	420.000
109	2352010287	Mua Thị Liên	03/02/2004	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN E	2023-2027	420.000
110	2352010302	Triệu Hoài Thu	05/12/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN E	2023-2027	420.000
111	2352010268	Lương Thị Hồng Ngát	16/11/2002	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN E	2023-2027	420.000
112	2352010278	Vàng Lý Phương	02/04/2005	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	GDMN E	2023-2027	420.000
113	2312010026	Lý Chúy De	20/04/2005	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	Cao đẳng MN	2023-2026	420.000
114	2312010030	Hoàng Thị Duyên	12/02/2005	Xuông	Vùng ĐBKK	Cao đẳng MN	2023-2026	420.000
115	2312010007	Nông Thị Hoài	21/05/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Cao đẳng MN	2023-2026	420.000
116	2312010037	Nông Thị Liên	25/08/2005	Giáy	Vùng ĐBKK	Cao đẳng MN	2023-2026	420.000
117	2312010029	Triệu Thị Liên	25/07/2004	Nùng	Vùng ĐBKK	Cao đẳng MN	2023-2026	420.000
118	2312010012	Hoàng Kiều Ly	25/09/2004	Tày	Vùng ĐBKK	Cao đẳng MN	2023-2026	420.000
119	2452010011	Chu Đồng Minh Diễm	25/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
120	2452010022	Đieu Chính Lâm	10/03/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
121	2452010021	Giàng Thị Lan	29/07/2006	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
122	2452010041	Giàng Thị Mai Thu	05/06/2006	Hmong	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
123	2452010030	Giàng Thị Nu	05/04/2006	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
124	2452010029	Giàng Thị Nhung	23/12/2005	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
125	2452010025	Hà Thị Ly	20/01/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
126	2452010014	Hạng Thị Duyên	21/06/2006	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
127	2452010017	Hoàng Thị Bích Huệ	24/01/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
128	2452010001	Hứa Thị Bích	12/06/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
129	2452010039	Lê Thị Phương Thảo	07/10/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
130	2452010009	Lò Thị Cương	14/02/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
131	2452010259	Mông Thị Tâm	11/03/2006	Tày	Hộ nghèo	GDMN A	2024-2028	300.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
132	2452010013	Mùa Thị Kim Dung	17/03/2006	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
133	2452010040	Nông Thị Phương Thảo	26/01/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
134	2452010002	Sùng Thị Chá	04/04/2006	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
135	2452010010	Sùng Thị Di	01/10/2006	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
136	2452010026	Sùng Thị Mai	30/08/2006	Hmong	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
137	2452010048	Tòng Thị Yên	01/02/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
138	2452010006	Thào Thị Chơ	16/04/2006	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
139	2452010012	Thào Thị Đông	24/08/2006	Hmong	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
140	2452010257	Trần Thị Hương	02/03/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
141	2452010020	Triệu Thị Lai	20/02/2005	Dao	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
142	2452010016	Vàng Thị Mỹ Hạnh	26/02/2006	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
143	2452010037	Vừ Thị Sinh	21/01/2006	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
144	2452010027	Xa Thị Ngân	04/01/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN A	2024-2028	420.000
145	2452010262	Ma Thị Ngọc Anh	24/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
146	2452010268	Lý Hồng Nhung	02/01/2006	Dao đỏ	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
147	2452010082	Lò Thị Thúy	08/02/2006	Lào	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
148	2452010083	Ma Thị Thúy	02/10/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
149	2452010086	Tường Như Trang	17/11/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
150	2452010092	Đinh Thị Hồng Vy	08/02/2006	Mường	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
151	2452010270	Vàng Thị Xinh	12/10/2006	Mông	Hộ nghèo	GDMN B	2024-2028	300.000
152	2452010067	Hà Thị Nhân	19/05/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
153	2452010051	Nông Thị Hồng Dân	25/07/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
154	2452010055	Triệu Thị Thu Hà	26/12/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
155	2452010056	Đặng Thị Thảo Hiền	12/11/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
156	2452010388	Mã Khánh Linh	17/11/2006	Nùng	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
157	2452010389	Bùi Thị Trà My	03/08/2006	Cao Lan	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
158	2452010069	Quảng Thị Niệm	16/04/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
159	2452010066	Đinh Thị Nguyệt	21/04/2006	Mường	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
160	2452010007	Cà Thị Phương Oanh	22/07/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
161	2452010071	Lò Thị Oanh	24/11/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
162	2452010075	Lường Thị Quỳnh	11/03/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
163	2452010076	Hoàng Thị Sanh	01/05/2006	Hmong	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
164	2452010088	Lò Thị Ánh Tuyết	11/09/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
165	2452010084	Hà Thị Thu Thủy	26/01/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
166	2452010085	Đinh Nguyễn Huyền Thương	26/04/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
167	2452010090	Lò Thị Thanh Vân	24/10/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN B	2024-2028	420.000
168	2452010133	Hoàng Phương Oanh	05/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN C	2024-2028	420.000
169	2452010128	Lã Thị Ngọc	19/07/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN C	2024-2028	420.000
170	2452010144	Lò Thị Tiêm	29/11/2006	Lào	Vùng ĐBKK	GDMN C	2024-2028	420.000
171	2452010107	Lò Thị Thu Hà	31/01/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN C	2024-2028	420.000
172	2452010142	Lò Thị Thủy	03/08/2006	Lào	Vùng ĐBKK	GDMN C	2024-2028	420.000
173	2452010101	Lý Thị Diệp	10/09/2006	Cống	Vùng ĐBKK	GDMN C	2024-2028	420.000
174	2452010124	Poòng Thị Lưu	26/03/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN C	2024-2028	420.000
175	2452010110	Sùng Thị Hạnh	24/09/2006	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN C	2024-2028	420.000
176	2452010273	Triệu Bích Ngọc	01/02/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDMN C	2024-2028	420.000
177	2452010140	Hù Thị Thúy	17/03/2006	Hmong	Vùng ĐBKK	GDMN C	2024-2028	420.000
178	2452010147	Lò Thủy Trang	23/11/2006	Lào	Vùng ĐBKK	GDMN C	2024-2028	420.000
179	2452010117	Đàm Thanh Huyền	19/09/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN C	2024-2028	420.000
180	2452010132	Bàn Phương Oanh	18/07/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDMN C	2024-2028	420.000
181	2452010104	Vương Thị Diệp	28/07/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN C	2024-2028	420.000
182	2452010311	Lô Thị Huyền Trang	20/12/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN D	2024-2028	420.000
183	2452010332	Ly Thị Diệu Vy	27/03/2006	Mông	Vùng ĐBKK	GDMN D	2024-2028	420.000
184	2452010173	Hoàng Cẩm Ly	16/10/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDMN D	2024-2028	420.000
185	2452010162	Nguyễn Thị Kim Huệ	14/09/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN D	2024-2028	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
186	2452010186	Hoàng Thị Quỳnh	19/10/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN D	2024-2028	420.000
187	2452010196	Hoàng Thị Thu Trang	17/05/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN D	2024-2028	420.000
188	2452010190	Ma Thị Hương Thảo	14/07/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN D	2024-2028	420.000
189	2452010179	Trương Gia Như	29/01/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN D	2024-2028	420.000
190	2452010184	Nông Thị Phượng	01/06/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN D	2024-2028	420.000
191	2452010194	Hoàng Thị Thuỷ Tiên	26/12/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN D	2024-2028	420.000
192	2452010192	Nguyễn Thị Thu	01/02/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN D	2024-2028	420.000
193	2452010168	Hoàng Thị Loan	15/01/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN D	2024-2028	420.000
194	2452010165	Hà Thị Thùy Linh	19/12/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN D	2024-2028	420.000
195	2452010227	Đặng Thị Thúy Lê	23/09/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDMN E	2024-2028	420.000
196	2452010253	Vi Thị Yên	28/03/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDMN E	2024-2028	420.000
197	2452010246	Dương Thị Minh Phương	08/12/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN E	2024-2028	420.000
198	2452010245	Hoàng Tuyết Như	05/06/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN E	2024-2028	420.000
199	2452010225	Ngô Thị Hường	30/03/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN E	2024-2028	420.000
200	2452010238	Hoàng Trà My	01/09/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN E	2024-2028	420.000
201	2452010202	Lường Thị Diệp Anh	28/02/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN E	2024-2028	420.000
202	2452010218	Quảng Diệp Hồng	02/08/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN E	2024-2028	420.000
203	2452010237	Hoàng Đức Mạnh	10/02/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN E	2024-2028	420.000
204	2452010221	Mùi Thị Huyền	09/09/2006	Mường	Vùng ĐBKK	GDMN E	2024-2028	420.000
205	2452010209	Hà Thị Thùy Dương	16/12/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDMN E	2024-2028	420.000
206	2452010247	Nguyễn Lê Quyên	11/09/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN E	2024-2028	420.000
207	2452010224	Phan Thị Thu Hương	16/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDMN E	2024-2028	420.000
208	2412010005	Lê Quỳnh Châm	13/03/2006	Tày	Vùng ĐBKK	CDMN	2024-2027	420.000
209	2412010008	Hà Thị Kim Chi	20/11/2006	Tày	Vùng ĐBKK	CDMN	2024-2027	420.000
210	2412010080	Lèng Thị Hạnh	19/08/2006	Thái	Vùng ĐBKK	CDMN	2024-2027	420.000
211	2412010079	Lò Thị Hải	24/10/2005	Thái	Vùng ĐBKK	CDMN	2024-2027	420.000
212	2412010020	Dương Thị Hoa	13/07/2006	Nùng	Vùng ĐBKK	CDMN	2024-2027	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
213	2412010021	Lò Thị Hoa	10/01/2003	Thái	Vùng ĐBKK	CDMN	2024-2027	420.000
214	2412010025	Triệu Thị Thuý Hồng	25/12/2006	Tày	Vùng ĐBKK	CDMN	2024-2027	420.000
215	2412010048	Quan Thị Nhi	14/08/2000	Tày	Vùng ĐBKK	CDMN	2024-2027	420.000
216	2412010050	Lò Kim Nhung	20/10/2006	Thái	Vùng ĐBKK	CDMN	2024-2027	420.000
217	2412010043	Pờ Ha Mư	01/02/2000	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	CDMN	2024-2027	420.000
218	2412010056	Vừ Thị Sinh	01/05/2006	Mông	Vùng ĐBKK	CDMN	2024-2027	420.000
219	2412010075	Hà Thị Hải Yến	24/12/2006	Thái	Vùng ĐBKK	CDMN	2024-2027	420.000
220	2412010088	Ma Thị Tin	21/06/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CDMN	2024-2027	420.000
221	2412010042	Chu Mụ Mư	02/08/2004	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	CDMN	2024-2027	420.000
222	2412010092	Lò Thị Mai Thắm	10/09/2006	Thái	Vùng ĐBKK	CDMN	2024-2027	420.000
223	2152020009	Bàn Văn Duyên	22/10/2003	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH A	2021-2025	420.000
224	2152020015	Ma Thu Hoài	5/6/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2021-2025	420.000
225	2152020025	Ma Thị Ngọc Mai	30/11/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2021-2025	420.000
226	2152020041	Trần Văn Thiện	10/12/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2021-2025	420.000
227	2152020035	La Thị Oanh	16/12/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2021-2025	420.000
228	2152020056	Vũ Triệu Tiềm Vi	04/12/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2021-2025	420.000
229	2152020042	Nguyễn Bảo Thoa	14/02/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2021-2025	420.000
230	2152020007	Hoàng Thu Dịu	25/04/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2021-2025	420.000
231	2152020050	Hà Thị Hoài Thương	17/09/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2021-2025	420.000
232	2152020032	Vũ Thị Minh Nguyệt	24/10/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2021-2025	420.000
233	2152020120	Hoàng Thị Hồng Vân	18/09/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2021-2025	420.000
234	2152020107	Ma Thị Oanh	24/05/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2021-2025	420.000
235	2152020073	Nông Đức Duy	01/03/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2021-2025	420.000
236	2152020075	Triệu Trung Dũng	12/11/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2021-2025	420.000
237	2152020099	Hoàng Hương Loan	07/11/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2021-2025	420.000
238	2152020181	Lương Thị Vân	10/10/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2021-2025	420.000
239	2152020151	Quan Thị Lan	16/06/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2021-2025	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
240	2152020177	Quân Đức Tuấn	13/12/2003	Tày	Hộ nghèo	GDTH C	2021-2025	300.000
241	2152020175	Đinh Văn Trường	09/04/2002	Mường	Vùng ĐBKK	GDTH C	2021-2025	420.000
242	2152020153	Vũ Lương Huyền Lê	18/01/2002	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2021-2025	420.000
243	2152020150	Ma Thị Ngọc Lan	21/11/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2021-2025	420.000
244	2152020147	Hầu Thị Hường	15/08/2002	H' mông	Vùng ĐBKK	GDTH C	2021-2025	420.000
245	2152020165	Lê Hồng Oanh	11/09/2003	Cao Lan	Vùng ĐBKK	GDTH C	2021-2025	420.000
246	2152020208	Long Văn Mạnh	12/11/2003	Nùng	Vùng ĐBKK	GDTH D	2021-2025	420.000
247	2152020192	Long Trung Kiên	19/07/2000	Nùng	Vùng ĐBKK	GDTH D	2021-2025	420.000
248	2152020222	Quan Thu Phương	19/05/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2021-2025	420.000
249	2152020190	Hoàng Thanh Huyền	21/02/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2021-2025	420.000
250	2152020196	Ma Diệu Linh	03/07/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2021-2025	420.000
251	2152020231	Nguyễn Thị Huyền Thoa	07/12/2001	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2021-2025	420.000
252	2152020272	Hoàng Thị Hương	23/05/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2021-2025	420.000
253	2152020260	Lương Hồng Hạ	01/11/2002	Tày	Hộ nghèo	GDTH E	2021-2025	300.000
254	2152020290	Nguyễn Việt Tiến	10/01/2003	Tày	Hộ nghèo	GDTH E	2021-2025	300.000
255	2252020023	Nguyễn Hải Lê	1/20/04	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2022-2026	420.000
256	2252020026	Ma Thị Loàn	1/30/04	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2022-2026	420.000
257	2252020002	Ma Thị Tú Anh	01/04/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2022-2026	420.000
258	2252020057	Nông Thị Hường	1/14/04	Nùng	Vùng ĐBKK	GDTH A	2022-2026	420.000
259	2252020028	Hoàng Thị Thanh Ngọc	10/20/04	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2022-2026	420.000
260	2252020033	Hoàng Thị Thanh Quyên	06/09/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2022-2026	420.000
261	2252020042	Ma Thị Thanh Toan	06/03/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2022-2026	420.000
262	2252020041	Hoàng Minh Tiến	5/27/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2022-2026	420.000
263	2152020124	Hoàng Hải Đăng	24/04/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2022-2026	420.000
264	2252020009	Đặng Thị Hà	01/09/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2022-2026	420.000
265	2252020006	Bản Văn Đức	12/26/03	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH A	2022-2026	420.000
266	2252020097	Đinh T. Quỳnh Thơ	17/10/2004	Mường	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
267	2252020078	Mùi Văn Mừng	16/01/2004	Mường	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
268	2252020087	Triệu Duy Phong	24/02/2004	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
269	2252020101	Đinh Anh Tuấn	27/06/2004	Mường	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
270	2252020083	Cà Thị Ngân	03/09/2004	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
271	2252020079	Quan Thị Thu Mừng	02/09/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
272	2252020066	Đinh Thị Doãn	20/06/2004	Mường	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
273	2252020100	Nguyễn T. Hương Trúc	03/11/2004	Tày	Hộ nghèo	GDTH B	2022-2026	300.000
274	2252020074	Lò Thị Kim	08/01/2004	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
275	2252020062	Bế Thị Tam Bảo	17/05/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
276	2252020080	Nguyễn Trà My	14/04/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
277	2252020110	Hoàng Phương Oanh	28/11/2003	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
278	2252020096	Lương Việt Thắng	12/08/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
279	2252020075	Vừ A Ký	10/02/2003	Mông	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
280	2252020114	Trần Thị Thu Hoài	17/09/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
281	2252020082	Ngô Thị Nga	10/04/2004	Mông	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
282	2252020099	Đinh Ngọc Trâm	23/11/2004	Mường	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
283	2252020073	Lương Thị Huyền	02/03/2004	Tày	Hộ nghèo	GDTH B	2022-2026	300.000
284	2252020067	Đinh Mạnh Dũng	09/07/2004	Mường	Vùng ĐBKK	GDTH B	2022-2026	420.000
285	2252020150	Nguyễn Hà Nhi	02/07/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2022-2026	420.000
286	2252020130	Quan Thị Thu Hiền	24/11/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2022-2026	420.000
287	2252020122	Nguyễn Kim Anh	11/05/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2022-2026	420.000
288	2252020134	Quan Thị Ngọc Huyền	16/01/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2022-2026	420.000
289	2252020172	Trần Hương Giang	07/04/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2022-2026	420.000
290	2252020170	Chu Thị Chiêu	30/04/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2022-2026	420.000
291	2252020166	Vương Lê Uyên	27/01/2004	Nùng	Vùng ĐBKK	GDTH C	2022-2026	420.000
292	2252020158	Hoàng Phương Thảo	17/02/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2022-2026	420.000
293	2252020128	Châu Thị Hiền	14/12/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2022-2026	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
294	2252020143	Triệu Thị Mến	08/02/2004	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH C	2022-2026	420.000
295	2252020140	Lương Thị Loan	25/12/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2022-2026	420.000
296	2252020176	Triệu Thanh Tâm	17/08/2004	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH C	2022-2026	420.000
297	2252020148	Hoàng Bích Ngọc	13/12/2004	Cao Lan	Vùng ĐBKK	GDTH C	2022-2026	420.000
298	2252020163	Hoàng Thị Túc	30/03/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2022-2026	420.000
299	2252020175	Mã Quang Khải	10/12/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2022-2026	420.000
300	2252020164	Dương Thị Thu Trà	12/01/2004	Dao	Hộ nghèo	GDTH C	2022-2026	300.000
301	2252020141	Nguyễn Thắng Lợi	06/06/2004	Kinh	Hộ nghèo	GDTH C	2022-2026	300.000
302	2252020081	Triệu Ngọc Nam	14/02/2004	Dao	Hộ nghèo	GDTH C	2022-2026	300.000
303	22520202199	Quan Thị Hương	07/05/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2022-2026	420.000
304	2252020221	Ma Thị Hồng Tươi	24/06/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2022-2026	420.000
305	22520202185	Ma Văn Đông	01/03/2004	Mông	Vùng ĐBKK	GDTH D	2022-2026	420.000
306	22520200194	Nông Thị Hoài	13/07/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2022-2026	420.000
307	2252020225	Dương Thị Hằng	02/06/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2022-2026	420.000
308	2252020249	Vương Thu Hào	14/09/2004	La Chí	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000
309	2252020291	Lộc Thị Phương Linh	29/02/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000
310	2252020268	Phàn Mùi Sâu	24/08/2004	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000
311	2252020282	Lộc Thị Hằng Nga	12/09/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000
312	2252020260	Chúc Thị Thanh Thủy	23/11/2004	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000
313	2252020274	Nguyễn Hoàng Linh	19/05/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000
314	2252020289	Quan Thị Nụ	22/11/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000
315	2252020288	La Thị Hứa	16/05/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000
316	2252020244	Triệu Mùi Hồng	28/01/2004	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000
317	2252020275	Nguyễn Ngọc Dũng	26/02/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000
318	2252020296	Thên Thị Kim Oanh	14/08/2004	Nùng	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000
319	2252020296	Hoàng Thị Tuyết	14/10/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000
320	2252020279	Châu Thị Tâm	17/03/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
321	2252020253	Hoàng Thị Huyện	02/01/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000
322	2252020251	Nguyễn Thị Hoài Hậu	13/06/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000
323	2252020283	Nguyễn Thị Thương	18/04/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2022-2026	420.000
324	2252020320	Hoàng Thị Hoa	16/12/2004	Mông	Vùng ĐBKK	GDTH F	2022-2026	420.000
325	2252020332	Vừ Thị Thu Nga	29/04/2003	Mông	Vùng ĐBKK	GDTH F	2022-2026	420.000
326	2252020340	Phùng Thị Siên	18/08/2004	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH F	2022-2026	420.000
327	2252020310	Ma Thị Diên	12/02/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH F	2022-2026	420.000
328	2252020391	Hầu Thị Bích	10/04/2003	Mông	Vùng ĐBKK	GDTH F	2022-2026	420.000
329	2352020035	Hà Diệu Linh	01/08/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2023-2027	420.000
330	2352020046	Nguyễn Thu Thủy	09/01/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2023-2027	420.000
331	2352020038	Quảng Văn Minh	03/07/2004	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH A	2023-2027	420.000
332	2352020007	Bàn Thị Kim Chi	07/05/2005	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH A	2023-2027	420.000
333	2352020059	Chu Thị Hồng Hạnh	02/08/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2023-2027	420.000
334	2352020058	Nông Kim Chi	19/10/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2023-2027	420.000
335	2352020018	Lý Khánh Đan	24/02/2005	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH A	2023-2027	420.000
336	2352020054	Triệu Mai Anh	28/08/2005	Dao	Hộ nghèo	GDTH A	2023-2027	300.000
337	2352020025	Lương Ngọc Hân	24/06/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2023-2027	420.000
338	2352020014	Bùi Thành Duy	05/08/2005	Mường	Vùng ĐBKK	GDTH A	2023-2027	420.000
339	2352020061	Lò Lan Anh	06/09/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
340	2352020117	Lò Thị Chi	25/07/2005	Khơ mú	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
341	2352020065	Hà Hương Giang	09/01/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
342	2352020111	Đặng Thị Thanh Giang	03/06/2004	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
343	2352020064	Ma Thị Mỹ Duyên	04/06/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
344	2352020067	Lý Thu Hà	11/12/2005	Hmong	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
345	2352020069	Hoàng Minh Hằng	29/07/2004	Nùng	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
346	2352020115	Hà Công Huân	12/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
347	2352020081	Đặng Lâm Huyền	02/01/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
348	2352020088	Đinh Thị Thu Ly	06/09/2005	Mường	Hộ nghèo	GDTH B	2023-2027	300.000
349	2352020090	Sài Thị Minh	05/04/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
350	2352020094	Quân Thị Phương Nhung	28/08/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
351	2352020093	Ma Thị Ngọc Nhung	17/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
352	2352020097	Hoàng Trung Sơn	26/06/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
353	2352020105	Lương Thị Kim Tuyến	31/01/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
354	2352020098	Hoàng Phương Thảo	03/05/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
355	2352020119	Đặng Thị Thanh Thảo	09/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
356	2352020089	Hồ Hồng Mai	23/05/2005	Hoa	Vùng ĐBKK	GDTH B	2023-2027	420.000
357	2352020176	Hoàng Thị Trang	04/08/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2023-2027	420.000
358	2352020175	Nông Phương Thảo	03/12/2005	Nùng	Vùng ĐBKK	GDTH C	2023-2027	420.000
359	2352020179	Triệu Vân Kiều	09/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2023-2027	420.000
360	2352020178	Đàm Thị Kim Tuyến	05/01/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2023-2027	420.000
361	2352020167	Ma Thị Thảo Trang	30/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2023-2027	420.000
362	2352020171	Quảng Văn Kim	04/05/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH C	2023-2027	420.000
363	2352020121	Lương Thị Phương Anh	06/02/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2023-2027	420.000
364	2352020156	Vi Thị Oanh	01/01/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2023-2027	420.000
365	2352020135	Bàn Văn Kết	07/04/2005	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH C	2023-2027	420.000
366	2352020149	Vi Thị Mai	03/02/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2023-2027	420.000
367	2352020164	Chu Thị Thu Thủy	07/02/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2023-2027	420.000
368	2352020130	Lê Trung Hiếu	24/08/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2023-2027	420.000
369	2352020143	Ma Văn Luân	17/10/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2023-2027	420.000
370	2352020141	Nguyễn Thùy Linh	22/12/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH C	2023-2027	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
371	2352020201	Hà Thị Thanh Ngân	19/01/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2023-2027	420.000
372	2352020222	Triệu Phương Uyên	20/08/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2023-2027	420.000
373	2352020216	Nguyễn Lê Thảo	07/01/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2023-2027	420.000
374	2352020212	Hứa Thị Quyên	11/03/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2023-2027	420.000
375	2352020204	Hoàng Kiên Nhân	15/08/2005	Nùng	Vùng ĐBKK	GDTH D	2023-2027	420.000
376	2352020234	Hoàng Thị Thơm	26/03/2004	Nùng	Vùng ĐBKK	GDTH D	2023-2027	420.000
377	2352020210	Dương Công Quân	16/09/2005	Kinh	Hộ nghèo	GDTH D	2023-2027	300.000
378	2352020198	Chu Thị Trà My	01/04/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2023-2027	420.000
379	2352020205	Hoàng Khánh Nhi	07/09/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2023-2027	420.000
380	2352020211	Tần Thị Quỳ	24/05/2005	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH D	2023-2027	420.000
381	2352020197	Lèo Duy Minh	06/01/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH D	2023-2027	420.000
382	2352020277	Hứa Anh Thơ	08/03/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2023-2027	420.000
383	2352020283	Hà Thị Kiều Trang	11/09/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH E	2023-2027	420.000
384	2352020256	Lò Thị Mai	19/10/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH E	2023-2027	420.000
385	2352020264	Quan Diễm Quỳnh	02/01/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2023-2027	420.000
386	2352020302	Vũ Quỳnh Anh	15/12/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000
387	2352020304	Lò Quốc Duy	12/10/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000
388	2352020306	Hà Công Được	23/05/2003	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000
389	2352020066	Dương Thúy Hà	12/10/2005	Hmong	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000
390	2352020112	Phùng Thị Thu Hà	27/01/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000
391	2352020308	Trần Thị Khánh Hòa	17/02/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000
392	2352020255	Trần Hà Linh	16/07/2005	Cao Lan	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000
393	2352020314	Mạc Lưu Ly	21/12/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000
394	2352020321	Ma Thị Phương Thảo	18/10/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000
395	2352020163	Triệu Hoài Thu	16/04/2005	Dao	Hộ nghèo	GDTH F	2023-2027	300.000
396	2352020330	Hoàng Văn Thường	17/09/2005	Mông	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000
397	2352020324	Triệu Thị Thuyền	25/01/2005	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
398	2352020341	Vương Thế Vinh	25/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000
399	2352020340	Khoàng Đức Việt	01/12/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000
400	2352020344	Khoàng Thị Xuân	01/10/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000
401	2352020350	Nguyễn Thị Hoàng Yến	26/05/2005	Yên	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000
402	2352020346	Lò Thị Hải Yến	20/03/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH F	2023-2027	420.000
403	2452020055	Lò Long Vỹ	12/06/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
404	2452020032	Bàn Thị Mai Linh	01/02/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
405	2452020027	Mai Thị Lan Hương	10/01/2006	Tày	Hộ nghèo	GDTH A	2024-2028	300.000
406	2452020038	Lường Thuý Linh	05/10/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
407	2452020319	Hoàng Thị Thu Hà	25/06/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
408	2452020005	Mã Thị Chung	10/03/2006	Mông	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
409	2452020010	Lò Thị Phương Dinh	31/12/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
410	2452020052	Hà Minh Tuệ	09/11/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
411	2452020048	Hoàng Thị Hồng Nhung	20/10/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
412	2452020049	Lò Thị Nhung	11/05/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
413	2452020053	Quàng Thị Tuyền	16/09/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
414	2452020037	Hà Thị Linh	19/05/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
415	2452020008	Nguyễn Tiến Cường	20/01/2005	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
416	2452020009	Lù Văn Chương	20/07/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
417	2452020020	Lương Thu Hà	09/01/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
418	2452020026	Trần Thị Thuý Huyền	25/07/2005	Cao Lan	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
419	2452020036	Đặng Thuý Linh	27/10/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
420	2452020320	Hoàng Bích Huế	03/02/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
421	2452020028	Ma Thị Hường	09/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
422	2452020015	Ma Thị Kim Dương	23/10/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
423	2452020016	Trần Quỳnh Dương	05/11/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
424	2452020031	Hoàng Thị My Lê	03/05/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
425	2452020025	Lưu Thị Thu Hoài	14/10/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
426	2452020023	Quảng Anh Hiệp	31/01/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
427	2452020039	Vì Thị Thuỳ Linh	04/06/2006	Xinh Mun	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
428	2452020030	Nguyễn Thị Lan	27/01/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
429	2452020035	Đàm Khánh Linh	29/01/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH A	2024-2028	420.000
430	2452020102	Bàn Thúy Vân	25/04/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
431	2452020060	Giàng Thị Bồng	20/09/2006	Mông	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
432	2452020058	Hoàng Thị Ngọc Ánh	04/10/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
433	2452020086	Phạm Hoài Linh	17/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
434	2452020087	Nông Thị Loan	19/02/2006	Nùng	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
435	2452020066	Hà Lô Duẩn	14/05/2006	Tày	Hộ nghèo	GDTH B	2024-2028	300.000
436	2452020092	Chu Thị Hồng Nhung	28/07/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
437	2452020100	Đàm Thị Thư	04/12/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
438	2452020078	Hoàng Lan Hương	18/09/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
439	2452020065	Hoàng Thu Diệu	10/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
440	2452020084	Ma Thị Diệu Linh	15/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
441	2452020063	Hoàng Văn Chín	09/07/2005	Mông	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
442	2452020068	Lộc Ánh Hằng	21/01/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
443	2452020062	Triệu Ngọc Chi	08/02/2004	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
444	2452020107	Hoàng Kim Xuyên	03/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
445	2452020071	Nguyễn Thị Mai Hoa	09/05/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
446	2452020091	Ma Thị Yến Nhi	07/01/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
447	2452020070	Ma Thị Vy Hoa	19/10/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
448	2452020080	Nguyễn Thị Ngọc Khuê	20/10/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
449	2452020093	Đặng Quỳnh Như	09/9/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH B	2024-2028	420.000
450	2452020116	Bùi Thị Quỳnh Hiếu	18/06/2006	Mường	Hộ cận nghèo	GDTH C	2024-2028	300.000
451	2452020123	Đậu Thị Lan	29/08/2006	Kinh	Hộ nghèo	GDTH C	2024-2028	300.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
452	2452020132	Mào Thị Ngọc	28/10/2006	Thái	Mồ côi	GDTH C	2024-2028	300.000
453	2452020327	Lý Thu Hằng	19/06/2006	Hà Nhì	Vùng ĐBKK	GDTH C	2024-2028	420.000
454	2452020139	Lò Thị Thái	10/01/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH C	2024-2028	420.000
455	2452020119	Lò Thị Hòa	29/10/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH C	2024-2028	420.000
456	2452020111	Ly Thị Chứ	10/09/2005	Mông	Vùng ĐBKK	GDTH C	2024-2028	420.000
457	2452020328	Lành Thị Thu Hiền	21/08/2006	Tày	Hộ cận nghèo	GDTH C	2024-2028	300.000
458	2452020390	Phùng Thị Mai	28/03/2006	Dao	Hộ nghèo	GDTH C	2024-2028	300.000
459	2452020169	Đào Hồng Hạnh	09/05/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2024-2028	420.000
460	2452020178	Quan Thị Khánh Linh	17/10/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2024-2028	420.000
461	2452020184	Hoàng Thị Út Nhung	03/03/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2024-2028	420.000
462	2452020186	Nông Thuỷ Oanh	07/12/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2024-2028	420.000
463	2452020195	Hoàng Thu Thuỷ	14/03/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH D	2024-2028	420.000
464	2452020236	Đặng Thị Ngân	22/03/2004	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
465	2452020239	Lò Thị Nhi	05/07/2004	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
466	2452020217	Quảng Thị Chum	10/01/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
467	2452020225	Lò Thị Hoan	22/12/2005	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
468	2452020242	Bùi Thị Kim Oanh	22/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
469	2452020336	Hoàng Thị Linh Nga	09/04/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
470	2452020230	Lường Thị Mai Hương	29/09/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
471	2452020233	Bàn Thu Liễu	09/04/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
472	2452020229	Hà Khánh Huyền	18/10/2006	Mường	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
473	2452020257	Vũ Thị Mai Trang	29/09/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
474	2452020224	Đặng Thị Hoa	03/09/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
475	2452020248	Hoàng Phương Thảo	01/05/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
476	2452020246	Hoàng Thị Sinh	10/06/2006	Mông	Mồ côi	GDTH E	2024-2028	300.000
477	2452020238	Cà Thị Nhân	28/09/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
478	2452020253	Lò Văn Thúy	20/10/2004	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
479	2452020252	Vũ Ngọc Thiện	09/11/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
480	2452020240	Vì Thị Nhung	20/10/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
481	2452020219	Lý Bích Diệp	07/07/2006	Dao	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
482	2452020220	Đào Quốc Dũng	16/10/2006	Tày	Hộ nghèo	GDTH E	2024-2028	300.000
483	2452020261	Lò Thị Tươi	03/08/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
484	2452020228	Đinh Quang Huy	15/10/2006	Mường	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
485	2452020214	Hà Khánh Châu	02/09/2006	Thái	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
486	2452020241	Vũ Hồng Nhung	13/05/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH E	2024-2028	420.000
487	2452020297	Nguyễn Thị Ngà	04/11/2006	Tày	Vùng ĐBKK	GDTH F	2024-2028	420.000
488	2452020312	Nguyễn Thu Thủy	20/01/2006	Tày	Hộ nghèo	GDTH F	2024-2028	300.000
489	2452020318	Trần Thị Xuyên	26/02/2006	Cao Lan	Khuyết tật	GDTH F	2024-2028	300.000
490	2402020338	Nguyễn Ái Duyệt	29/03/2004	Nùng	Vùng ĐBKK	GDTH F	2024-2028	420.000
491	2252170028	Ma Văn Thành	03/04/2004	Tày	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2022-2026	420.000
492	2252170031	Nguyễn Thị Thảo	25/11/2004	Tày	Hộ nghèo	SP ngữ văn	2022-2026	300.000
493	2352170030	Lý Trần Anh Quốc	10/07/2005	Dao	Hộ nghèo	SP ngữ văn	2023-2027	300.000
494	2352170009	Hoàng Trung Hậu	28/02/2005	Nùng	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2023-2027	420.000
495	2352170016	Nguyễn Thị Ngọc Lan	24/09/2005	Tày	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2023-2027	420.000
496	2352170038	Trần Ánh Trúc	08/12/2005	Cao Lan	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2023-2027	420.000
497	2352170025	Tô Yến Nhi	26/08/2005	Kinh	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2023-2027	420.000
498	2352170043	Hầu Thị Vân	16/10/2005	Mông	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2023-2027	420.000
499	2352170037	Lò Thị Trinh	26/08/2005	Thái	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2023-2027	420.000
500	2352170032	Ma Thị Sen	17/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2023-2027	420.000
501	2352170047	Tề Thị Nhung Nhi	31/07/2004	Tày	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2023-2027	420.000
502	2352170010	Nguyễn Vi Hoàng	04/03/2005	Tày	Hộ nghèo	SP ngữ văn	2023-2027	300.000
503	2352170012	Lèng Thị Thu Huyền	13/11/2005	Tày	Hộ nghèo	SP ngữ văn	2023-2027	300.000
504	2452170013	Trương Diệu Hà	11/11/2006	Dao	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2024-2028	420.000
505	2452170020	Triệu Thùy Linh	23/01/2006	Tày	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2024-2028	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
506	2452170051	Hà Thị Kim Tuyết	29/12/2006	Thái	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2024-2028	420.000
507	2452170045	Trần Thị Phương Thảo	15/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2024-2028	420.000
508	2452170056	Nguyễn Thị Hải Yến	27/02/2006	Tày	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2024-2028	420.000
509	2452170053	Hoàng Thị Thanh Vang	7/5/2006	Tày	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2024-2028	420.000
510	2452170027	Ma Thị Hà My	25/10/2006	Tày	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2024-2028	420.000
511	2452170032	Lò Thị Hoài Nghi	03/04/2006	Thái	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2024-2028	420.000
512	2452170010	Ma Thị Hương Giang	10/02/2006	Tày	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2024-2028	420.000
513	2452170030	Nông Thị Kim Nga	24/06/2006	Tày	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2024-2028	420.000
514	2452170005	Hà Thị Thuỳ Dung	11/01/2006	Thái	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2024-2028	420.000
515	2452170026	Quân Thanh Mai	25/06/2006	Tày	Vùng ĐBKK	SP ngữ văn	2024-2028	420.000
516	2252090027	Hoàng Thị Kiều Trang	13/12/2004	Tày	Vùng ĐBKK	SP Toán	2022-2026	420.000
517	2252090032	Nguyễn Thị Kim Chi	12/01/2004	Tày	Vùng ĐBKK	SP Toán	2022-2026	420.000
518	2252090018	Nguyễn Thị Hồng Ngát	23/11/2004	Tày	Vùng ĐBKK	SP Toán	2022-2026	420.000
519	2252090019	Ma Thị Ngà	05/01/2004	Tày	Vùng ĐBKK	SP Toán	2022-2026	420.000
520	2252090008	Quan Quỳnh Hiếu	27/10/2004	Tày	Vùng ĐBKK	SP Toán	2022-2026	420.000
521	2352090054	Ma Thị Mai	28/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	SP Toán B	2023-2027	420.000
522	2352090049	Vàng Thị Hương	21/01/2005	Thái	Hộ nghèo	SP Toán B	2023-2027	300.000
523	2352090061	Vương Tài Phú	31/03/2003	Nùng	Vùng ĐBKK	SP Toán B	2023-2027	420.000
524	2352090076	Nguyễn Diệp Linh	02/06/2003	Tày	Vùng ĐBKK	SP Toán B	2023-2027	420.000
525	2452090015	Đinh Thị Huệ	07/09/2006	Tày	Vùng ĐBKK	SP Toán	2024-2028	420.000
526	2452090031	Vì Thành Nguyên	04/12/2006	Thái	Vùng ĐBKK	SP Toán	2024-2028	420.000
527	2452090023	Trần Bảo Linh	03/03/2006	Tày	Vùng ĐBKK	SP Toán	2024-2028	420.000
528	2452090029	Nguyễn Thị Thuý Ngà	16/11/2006	Tày	Vùng ĐBKK	SP Toán	2024-2028	420.000
529	2452090024	Đặng Phương Mai	10/11/2005	Dao	Vùng ĐBKK	SP Toán	2024-2028	420.000
530	2452090033	Quảng Thị Như Nguyệt	07/12/2006	Thái	Vùng ĐBKK	SP Toán	2024-2028	420.000
531	2452090037	Hà Anh Quân	05/01/2006	Tày	Vùng ĐBKK	SP Toán	2024-2028	420.000
532	2452090004	Nông Mạnh Bình	11/02/2006	Tày	Vùng ĐBKK	SP Toán	2024-2028	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
533	2452090048	Trần Huyền Trang	07/05/2006	Kinh	Hộ nghèo	SP Toán	2024-2028	300.000
534	2452470005	Nguyễn Việt Duy	20/06/2006	Kinh	Khuyết tật	KHTN	2024-2028	300.000
535	2452470013	Hoàng Diệu Hương	01/06/2006	Cao Lan	Vùng ĐBKK	KHTN	2024-2028	420.000
536	2452470032	Phan Thị Hải Yến	16/05/2006	Dao	Vùng ĐBKK	KHTN	2024-2028	420.000
537	2452470004	Quan Hùng Cường	10/02/2006	Tày	Hộ nghèo	KHTN	2024-2028	300.000
538	2452470012	Nguyễn Huy Hoàng	12/08/2004	Tày	Vùng ĐBKK	KHTN	2024-2028	420.000
539	2452470018	Lý Kim Loan	26/12/2005	Hà Nhì	Hộ nghèo	KHTN	2024-2028	300.000
540	2452470019	Nông Đức Luân	22/02/2006	Tày	Vùng ĐBKK	KHTN	2024-2028	420.000
541	2154800004	Trần Linh Chi	22/12/2003	Tày	Hộ nghèo	CNTT	2021-2025	300.000
542	2154800018	Tê Trung Hiếu	01/11/1997	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2021-2025	420.000
543	2154800032	Phạm Hoàng Phương Linh	04/11/2003	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2021-2025	420.000
544	2154800047	Lý Văn Thành	29/01/1998	Mông	Cận nghèo	CNTT	2021-2025	300.000
545	2154800051	Châu Văn Tuấn	27/05/2003	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2021-2025	420.000
546	2154800025	Lý Thị Huệ	03/03/2002	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2021-2025	420.000
547	2154800033	Lý Thành Long	17/09/2003	Dao	Vùng ĐBKK	CNTT	2021-2025	420.000
548	2154800001	Ma Đình Tuấn Anh	28/04/1999	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2021-2025	420.000
549	2154800056	Lục Văn Viễn	08/01/2003	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2021-2025	420.000
550	2254800030	Ma Công Bình	05/12/2001	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2022-2026	420.000
551	2254800032	La Khánh Duy	01/10/2004	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2022-2026	420.000
552	2254800036	Vi Minh Hiếu	15/08/2000	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2022-2026	420.000
553	2254800058	Nguyễn Văn Trung	25/01/2003	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2022-2026	420.000
554	2254800039	Quân Văn Khoa	23/03/2001	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2022-2026	420.000
555	2354800052	Nguyễn Vĩnh Hưng	12/03/2005	Tày	Hộ nghèo	CNTT	2023-2027	300.000
556	2354800009	Hứa Thế Thành	02/12/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027	420.000
557	2354800024	Lưu Thanh Huy	12/06/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027	420.000
558	2354800034	Hứa Minh Quân	08/05/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027	420.000
559	2354800037	Hoàng Đức Thanh	07/02/2004	Nùng	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
560	2354800003	Hoàng Văn Hải	23/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027	420.000
561	2454800081	Triệu Văn Hưng	21/09/2006	Dao	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028	420.000
562	2454800065	Nông Xuân Quỳnh	26/09/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028	420.000
563	2454800016	Hoàng Thị Du	11/03/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028	420.000
564	2454800036	Hoàng Quốc Hưng	11/11/2006	Cao Lan	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028	420.000
565	2454800051	Nông Hải Nam	14/08/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028	420.000
566	2454800037	Ma Trọng Hưng	20/10/2006	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028	420.000
567	2454800082	Nguyễn Trà My	23/03/2006	Dao	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028	420.000
568	2454800043	Đinh Bảo Lâm	15/06/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028	420.000
569	2253010016	Tướng Thị Sơn	15/06/2004	Dao	Vùng ĐBKK	Kế toán	2022-2026	420.000
570	2253010029	Ma Thị Thu Hằng	02/01/2004	Tày	Vùng ĐBKK	Kế toán	2022-2026	420.000
571	2353010003	La Thanh Bình	16/11/2005	Cao Lan	Vùng ĐBKK	Kế toán	2023-2027	420.000
572	2353010045	Quan Thị Thủy	09/01/2000	Tày	Vùng ĐBKK	Kế toán	2023-2027	420.000
573	2353010031	Nông Minh Quý	02/06/2001	La chí	Vùng ĐBKK	Kế toán	2023-2027	420.000
574	2353010023	Đặng Trường Vũ	02/07/2005	Mông	Vùng ĐBKK	Kế toán	2023-2027	420.000
575	2353010025	Dương Hồng Ánh	30/08/2004	Tày	Vùng ĐBKK	Kế toán	2023-2027	420.000
576	2453010076	La Minh Vũ	04/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Kế toán A	2024-2028	420.000
577	2453010035	Chúc Văn Trường	20/06/2006	Dao	Vùng ĐBKK	Kế toán A	2024-2028	420.000
578	2453010082	Hoàng Minh Vũ	13/08/2006	Thái	Vùng ĐBKK	Kế toán A	2024-2028	420.000
579	2453010065	Hoàng Thị Sơn	27/12/2006	Nùng	Vùng ĐBKK	Kế toán B	2024-2028	420.000
580	2453010087	Bàn Phúc Minh	20/03/2006	Dao	Hộ cận nghèo	Kế toán B	2024-2028	300.000
581	2453010054	Nguyễn Thị Thu Huyền	25/11/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Kế toán B	2024-2028	420.000
582	2453010043	Seo Thành Đạt	04/07/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Kế toán B	2024-2028	420.000
583	2453010084	Quảng Tiến Dũng	17/11/2006	Thái	Vùng ĐBKK	Kế toán B	2024-2028	420.000
584	2453010044	Chu Hương Giang	21/01/2006	Dao	Vùng ĐBKK	Kế toán B	2024-2028	420.000
585	2453010062	Trần Thị Thảo Nguyên	11/11/2006	Dao	Vùng ĐBKK	Kế toán B	2024-2028	420.000
586	2453010074	Nguyễn Kim Tuấn	15/10/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Kế toán B	2024-2028	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
587	2157200053	Quan Thanh Tâm	02/10/2003	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng B	2021-2025	420.000
588	2157200076	Hứa Văn Khanh	06/01/2002	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng B	2021-2025	420.000
589	2157200013	Hoàng Văn Hà	27/10/2003	Dao	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng B	2021-2025	420.000
590	2257200050	Hoàng Thị Nga	08/05/2004	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2022-2026	420.000
591	2257200018	Phùng Ngọc Lanh	09/07/2002	Nùng	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2022-2026	420.000
592	2257200049	Vương Cát Lượng	12/12/2004	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2022-2026	420.000
593	2257200047	Châu Thúy Lan	09/02/2002	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2022-2026	420.000
594	2257200039	Nguyễn Thị Bích Duyệt	10/05/2004	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2022-2026	420.000
595	2257200027	Vũ Như Quỳnh	02/02/2004	Tày	Hộ nghèo	Điều dưỡng	2022-2026	300.000
596	2357200027	Hoàng Xuân Hậu	08/03/2004	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027	420.000
597	2357200040	Lường Hải Tuấn	16/04/2004	Thái	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027	420.000
598	2357200037	Đinh Văn Tân	06/11/2004	Mường	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027	420.000
599	2357200019	Nông Thị Thu Trang	11/06/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027	420.000
600	2357200036	Ma Thu Phương	08/03/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027	420.000
601	2357200031	Nguyễn Thị Đình Hương	16/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027	420.000
602	2357200039	Quảng Văn Trường	22/02/2004	Thái	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027	420.000
603	2357200008	Ma Thị Thu Huyền	11/03/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027	420.000
604	2357200044	Nông Trường Giang	11/10/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027	420.000
605	2357200009	Ma Thị Nhật Lệ	29/06/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027	420.000
606	2357200002	Hoàng Thị Vân Anh	19/08/2005	Tày	Hộ nghèo	Điều dưỡng	2023-2027	300.000
607	2357200041	Phạm Hà Đức Tuấn	29/05/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027	420.000
608	2457200026	Ma Thị Loan	03/09/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028	420.000
609	2457200038	Ma Ngọc Thoan	23/05/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028	420.000
610	2457200014	Ma Thị Hà	06/06/2006	Tày	Hộ nghèo	Điều dưỡng A	2024-2028	300.000
611	2457200007	Lò Thị Thiệp	06/09/2006	Thái	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028	420.000
612	2457200001	Bàn Thị Ngọc Ánh	20/10/2006	Dao	Hộ nghèo	Điều dưỡng A	2024-2028	300.000
613	2457200044	Triệu Thị Tuyên	18/12/2005	Dao	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
614	2457200021	Sùng A Ký	24/09/2006	Mông	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028	420.000
615	2457200027	Thào Hoa Mây	27/04/2006	Mông	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028	420.000
616	2457200023	Lục Thị Hoài Linh	05/12/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028	420.000
617	2457200025	Nông Thùy Linh	28/01/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028	420.000
618	2457200006	Ma Kiên Cường	21/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028	420.000
619	2457200091	Triệu Thị Thùy Trang	17/12/2006	Dao	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng B	2024-2028	420.000
620	2457200084	Hoàng Minh Quân	26/06/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng B	2024-2028	420.000
621	2057720004	Lục Thị Hồng Nhung	14/10/2002	Cao Lan	Vùng ĐBKK	ĐH Dược	2020-2025	420.000
622	2157720005	Tạ Văn Điệp	14/02/2003	Dao	Vùng ĐBKK	ĐH Dược	2021-2026	420.000
623	2157720006	Lâm Thị Hồng Giang	03/12/2003	Dao	Vùng ĐBKK	ĐH Dược	2021-2026	420.000
624	2357720008	Hà Kiều Trang	10/12/2005	Tày	Vùng ĐBKK	ĐH Dược	2023-2028	420.000
625	2357720011	Bùi Thị Thanh Ngân	12/09/2003	Mường	Vùng ĐBKK	ĐH Dược	2023-2028	420.000
626	2357720006	Bàng Quốc Phong	25/10/2003	Cao Lan	Khuyết tật	ĐH Dược	2023-2028	300.000
627	2357720004	Thào A Hùng	05/01/2005	Hmong	Vùng ĐBKK	ĐH Dược	2023-2028	420.000
628	245720012	Ma Thị Anh Thư	20/07/2006	Tày	Vùng ĐBKK	ĐH Dược	2024-2028	420.000
629	2253420005	Cư Văn Khánh	17/05/2003	Mông	Vùng ĐBKK	QLVH	2022-2026	420.000
630	2453420005	Tô Thị Ngọc Ánh	02/09/2006	Tày	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028	420.000
631	2453420012	Đặng Quang Huy	22/08/2006	Dao	Hộ nghèo	QLVH	2024-2028	300.000
632	2453420021	Trần Thanh Sơn	21/04/2006	Cao Lan	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028	420.000
633	2453420017	Quan Quang Lịch	10/10/2005	Tày	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028	420.000
634	2453420019	Hà Xuân Nghĩa	15/01/2005	Tày	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028	420.000
635	2453420027	Hoàng Văn Tuyên	28/10/2006	Dao	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028	420.000
636	2453420007	Châu Thanh Bằng	26/03/2006	Tày	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028	420.000
637	2453420028	Hoàng Long Vũ	15/02/2006	Tày	Hộ nghèo	QLVH	2024-2028	300.000
638	2453420022	Chúc Thanh Thảo	14/11/2006	Dao	Hộ nghèo	QLVH	2024-2028	300.000
639	2453420020	Phản Minh Oóng	24/04/2006	Dao	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028	420.000
640	2151030004	Đặng Thị Kim Dân	09/11/2003	Dao	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2021-2025	420.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa	Số tiền (VNĐ)
641	2351030024	Lý Thị So	25/02/2005	Hmong	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2023-2027	420.000
642	2451030014	Phản Thị Lệ	14/02/2006	Dao	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2024-2028	420.000
643	2451030015	Đỗ Thị Diệu Linh	16/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2024-2028	420.000
644	2451030023	Nguyễn Thị Ngôi	10/04/2006	Tày	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2024-2028	420.000
645	2451030028	Phùng Thiên Toàn	05/01/2005	Mông	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2024-2028	420.000
646	2451030017	Đinh Thị Loan	16/04/2005	Tày	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2024-2028	420.000
647	2251010004	Sùng A Giả	18/07/2004	Hmong	Vùng ĐBKK	CTXH	2022-2026	420.000
648	2251010010	Triệu Thị Hoàng Thương	03/08/2004	Dao	Vùng ĐBKK	CTXH	2022-2026	420.000
649	2251010003	Nông Thị Duyên	21/01/2004	Tày	Vùng ĐBKK	CTXH	2022-2026	420.000
650	2251010006	Nguyễn Thu Hằng	02/01/2003	Tày	Vùng ĐBKK	CTXH	2022-2026	420.000
651	2251010009	Lê Văn Tài	26/02/2004	Tày	Vùng ĐBKK	CTXH	2022-2026	420.000
652	2351010003	Ma Đình Thành	14/10/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CTXH	2023-2027	420.000
653	2351010006	Hoàng Phạm Kim Oanh	15/12/2005	Dao	Vùng ĐBKK	CTXH	2023-2027	420.000
654	2351010002	Hoàng Văn Quân	23/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CTXH	2023-2027	420.000
655	2451010028	Ma Thành Thạo	20/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	CTXH	2024-2028	420.000
656	2157310001	Mai Bá Bằng	13/01/2003	Tày	Vùng ĐBKK	Chính trị học	2021-2025	420.000
657	2155010003	Ma Tiến Đạt	26/06/2003	Tày	Vùng ĐBKK	QLĐĐ	2021-2025	420.000
658	2255010001	Nông Xuân Chiến	15/11/2024	La Chí	Vùng ĐBKK	QLĐĐ	2022-2026	420.000

(Ấn định danh sách gồm có 658 sinh viên)